

# Hôn nhân của người Khơ - mú ở Bản Thàn, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

NGUYỄN THỊ THUẬN,\*

## 1. Vài nét về người Khơ mú ở bản Thàn, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Yên Châu là một trong 10 huyện của tỉnh Sơn La, gồm 14 xã và một thị trấn, huyện Yên Châu có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống đan xen với nhau nhưng đông hơn cả là người Thái. Người Thái chiếm đến 53,7% dân số trong huyện, 20% người Kinh, 12,8% người Hmong, 13 % người Xinh mun, 0,5% người Khơ mú. Như vậy, dân tộc Khơ mú là dân tộc có số dân ít nhất trong huyện và hiện nay tập trung chủ yếu ở 2 bản: bản Thàn xã Chiềng Păn và bản Khúm Hiền xã Viêng Lán. ở xã Chiềng Păn có 12 bản với 3 874 nhân khẩu, trong đó dân tộc Thái chiếm 72%, dân tộc Kinh chiếm 22%, dân tộc Khơ mú chiếm 6%. Bản Thàn thuộc xã Chiềng Păn đây là xã nằm cạnh đường số 6, cách trung tâm thị trấn Yên Châu 4 km, nhưng đến được với bản Thàn thì phải đi 3km đường đất. Toàn bản có 49 hộ gia đình, 231 nhân khẩu (tính đến tháng 6 năm 2010), trong đó chủ hộ người Khơ-mú là 48/49 hộ. Cả bản có 4

dòng họ: Mè, Hà, Lừ, Vi. Trong đó, họ Mè chiếm đại đa số.

Đặc điểm hoạt động sản xuất chủ yếu của dân tộc Khơ-mú bản Thàn là làm nông nghiệp nương rẫy ở rẻo giữa và rẻo cao, làm ruộng nước rất ít. Cả bản chỉ có 4 ha ruộng trồng lúa nước, số diện tích trên đa số đã chuyển sang trồng cây hoa màu làm hàng hóa cung cấp cho chợ huyện và các điểm bán không nhiều dọc đường số 6 đoạn chạy qua xã Chiềng Păn. Hiện nay, đa số các hộ dân của bản Thàn xã Chiềng Păn đã chuyển sang trồng ngô trên nương đồi xen cài với trồng cây cao su theo dự án của công ty Cổ phần cao su Sơn La, ngô vừa làm lương thực chăn nuôi vừa làm hàng hóa.

Tuy phương thức sản xuất chủ yếu vẫn là nông nghiệp nhưng đồng bào Khơ mú đã phát triển kinh tế nông hộ theo hướng sản xuất hàng hóa, mặc dù năng suất chưa thật cao nhưng cũng đã góp phần nâng cao đời sống. Bình quân các hộ gia đình trong bản hộ nào cũng có xe máy, ti vi. Cả bản chỉ còn 6 hộ đang là diện nghèo chiếm khoảng 12,24% số hộ của bản.

---

\* Ths. Nguyễn Thị Thuận, Trường THPT Yên Châu, Sơn La

## 2. Hôn nhân của người Khơ mú ở bản Thàn, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu

Tập tục hôn nhân của dân tộc Khơ mú tiến hành trình tự từ tìm hiểu đến ăn hỏi, cưới ở rể, cưới xin dâu theo nghi lễ cùng những quan niệm có từ lâu đời.

### *Tìm hiểu và làm lễ ăn hỏi*

Xưa kia, người dân Khơ-mú xưa kia sống du canh du cư, dân số thưa nên con cái lấy nhau thường theo lời hẹn ước của cha mẹ, con cái độ 14 đến 15 tuổi đã xây dựng gia đình. Tổ chức đám cưới thường sau khi thu hoạch vụ mùa. Hiện nay dân tộc Khơ-mú đã thực hiện hôn nhân từ 18 tuổi trở lên theo luật hôn nhân và gia đình của Nhà nước, thời gian tổ chức hôn lễ cũng thay đổi không cứ vào lúc gặt hái xong mà chỉ chọn ngày đẹp, tháng tốt là được.

Để tiến đến hôn nhân, giai đoạn trước tiên là tìm hiểu: người con trai là người chủ động đến bản có người con gái mình thích hoặc bố mẹ đã hẹn ước với nhà cô gái đó. Khi đến đầu bản (nếu chàng trai là người khác bản) phải thổi đàn môi để báo hiệu mình đến để tìm hiểu con gái ở bản tránh nghi ngờ là kẻ trộm, khi chàng trai đã đến chân cầu thang nhà người con gái mình thích thì tiếng đàn của chàng trai là báo hiệu người con gái đó sửa soạn tư trang, nhóm bếp lửa rồi mở cửa mời chàng trai vào nhà. Sau đó cùng ngồi bên bếp lửa để trò chuyện.

Sau một thời gian tìm hiểu, đôi nam nữ đã thấy hợp nhau, người con trai về thưa với bố mẹ mình chọn ngày và chuẩn bị lễ vật sang đặt vấn đề với bố mẹ nhà cô gái

để thống nhất ngày cưới. Lễ vật của nhà trai khi sang nhà gái gồm 2 con gà một trống một mái, 2 chum rượu và một ít gạo nếp. Trước đây, những người sang nhà gái để ăn hỏi gồm có bố mẹ chàng trai và chàng trai, hiện nay có thêm ông dất mối (người nói chuyện, đặt vấn đề với nhà gái) và một số người thân tín trong gia đình nhà trai cùng sang. Khi nhà trai đặt vấn đề được nhà nhà gái đồng ý thì 2 gia đình cùng nhất trí ngày cưới ở rể, sau đó tổ chức ăn cơm bằng những lễ vật mà nhà trai mang sang. Chọn ngày, giờ chẵn để tổ chức là quan niệm có từ lâu đời của dân tộc Khơ-mú vì cho rằng chẵn để có đôi có cặp.

### *Lễ cưới ở rể*

Nhà trai chuẩn bị những lễ vật cho ngày cưới ở rể gồm:

Trầu, cau, vôi, vỏ cây chay, muối, ớt khô (mỗi thứ 4 phần). 1 con lợn, 2 con gà mái, một con gà trống, 6 chum rượu (4 chum nhỏ và 2 chum to). 1 bộ váy áo cho con dâu, 1 khăn piêu, 1 dây đai lưng, 1 đôi nhẫn bạc, 1 đôi hoa tai bằng bạc, 1 vòng tay bằng bạc, 1 châm tóc. Dây được coi như của hồi môn mẹ chồng tặng con dâu. Những lễ vật này được mang sang nhà gái. Ngày trước khi tổ chức cưới ở rể. Nhà gái cũng phải chuẩn bị 1 con gà trống.

Chàng trai đi sang nhà gái trong ngày cưới ở rể phải đem theo chăn, đệm, gối mỗi thứ 1 chiếc để chuẩn bị cho việc ở rể sau khi tổ chức lễ cưới xong, bên hông luôn đeo theo hộp dao thể hiện của công cụ lao động mà chàng trai sẽ dùng để chăm chỉ làm trả công bố mẹ cô dâu trong thời gian ở rể.

Khi tổ chức cưới ở rể, người Khơ-mú tổ chức cúng tổ tiên ở nhà gái để báo rằng con cháu đã lấy vợ, lấy chồng. Mâm cúng phải có 5 hào bạc trắng, thịt lợn đã chế biến thành một số món, đĩa muối ớt đã rang khô. Lễ cúng thường tổ chức ở bếp ngoài và không thắp hương, chỉ khấn thôi. Gian bếp là gian sâu trong cùng của nhà, nhà người Khơ-mú chỉ có một lối đi vào và bếp là gian trong cùng. Tổ chức lễ cúng nhất thiết phải người trong nhà, không nhờ người ngoài, ngôn ngữ cúng tổ tiên là tiếng Khơ mú. Trong lễ cúng tổ tiên, đôi trai gái phải ngồi gần nhau, tay phải của nữ với tay trái của nam được buộc bằng sợi chỉ đen. Bên cạnh là một đôi nam nữ khác, trong đó nhà gái mượn 1 người con trai, nhà trai mượn 1 cô gái để ngồi cạnh trong lúc làm lễ cúng tổ tiên và cũng buộc cổ tay như đôi chính, đôi trai gái mượn này gọi là đôi phụ. Người buộc chỉ cổ tay cũng phải chọn trong họ hàng, thường là cậu bên nhà gái và mợ bên nhà trai. Cậu thì buộc chỉ cổ tay đôi chính, mợ buộc chỉ cổ tay đôi phụ. Sau khi làm lễ buộc chỉ cổ tay xong, ông cậu sẽ bưng một mâm trên đó có 2 nắm cơm, 2 đùi gà đã luộc chín, một đùi gà trống một đùi gà mái đến (đùi gà trống là con gà do nhà chàng trai mang đến, gà mái là của nhà gái). Đưa cho cô dâu đùi gà trống, chú rể đùi gà mái, chú rể cô dâu sẽ chéo tay nhau và trao lại đùi gà rồi phải ăn đến hết. Mục đích ăn xong để những người lớn tuổi sẽ xem tủy đùi gà này đặc hay loãng, nếu tủy đầy, đặc thì cho biết đôi vợ chồng này sẽ đủ ăn, giàu có, nếu loãng sẽ nghèo khó.

Sau khi làm lễ cúng tổ tiên, đôi trai gái làm lễ ăn trầu. Xem từng đôi một qua

cách nhai trầu rồi nhả vào máng tre có 2 dóng đã có nước trong, xem màu nước trầu để đoán tính cách của mỗi người. Người Khơ-mú cho rằng nếu đỏ thì tốt, tính tình điềm tĩnh còn không đỏ thì tính tình nóng nảy hoặc cầu thả.

Tiếp đến lễ uống rượu cần, với 2 chum nhỏ nhà trai mang sang, mỗi chum cắm 2 cần đan vào nhau, mỗi đôi uống 1 chum trong đó đôi chính uống chum có vòng bạc đặt ở giữa để cắm 2 cần rượu, đôi phụ uống chum không có vòng bạc. Mỗi đôi phải uống hết 2 sừng không để rượu trào ra ngoài, nếu trào ra thì cho rằng là điều không tốt, nghĩa là vợ chồng sẽ không nghe lời nhau. Khi uống xong, vòng bạc sẽ được trao cho cô dâu.

Sau khi tổ chức các nghi lễ truyền thống như trên cho đôi trai gái, thì lễ ăn cưới được tổ chức để họ hàng, hàng xóm của nhà trai, nhà gái đến ăn mừng. Lương thực, thực phẩm để tổ chức ăn cưới ở nhà gái là nhà trai phải chuẩn bị mang đến và chế biến. Quà mừng của họ hàng, khách bên nào bên đó nhận, nhưng chăn đệm nếu tặng nhà trai thì vẫn phải để lại nhà gái, khi nào đến lễ cưới đón dâu thì cô dâu sẽ mang theo về nhà chồng. Cô dâu trong ngày cưới ở rể phải tặng cho mẹ chồng 1 chăn, 1 đệm nằm, 1 đệm ngồi, 1 khăn piêu, và khăn mặt cho tất cả anh em trong gia đình nhà chồng mỗi người 1 chiếc.

Sau ngày cưới ở rể, chú rể ở lại nhà cô dâu, thời gian ở rể được quy định theo mỗi gia đình. Nếu bố vợ trước ở rể trong thời gian 5 năm thì con rể đầu cũng phải ở rể tương đương thời gian như vậy, nhưng đến con rể thứ thì lần lượt giảm đi 1 năm.

Quan niệm ở rể của dân tộc Khơ mú là để trả công lao sinh thành và nuôi dưỡng cho nhà bố mẹ cô dâu, và cho đến nay tục ở rể vẫn còn nhưng không còn nặng nề như xưa là chú rể phải ở liên tục trong thời gian mà gia đình nhà gái quy định, hiện nay chú rể chỉ ở lại một thời gian ngắn từ 1 đến 3 năm sau đó làm lễ cưới đón dâu.

### *Lễ cưới đón dâu*

Hết giai đoạn ở rể, nhà trai chuẩn bị lễ vật và chọn ngày để làm đám cưới đón dâu. Trong lễ cưới đón dâu nhà trai chuẩn bị mang đến nhà cô dâu 4 chum rượu nhỏ, 2 chum rượu to, 4 con gà, 1 con lợn khoảng 50 kg trở lên để mang đến nhà gái tổ chức làm lễ xin dâu và tổ chức ăn uống cho nhà gái trong ngày đón dâu.

Các lễ vật này được mang sang nhà gái từ hôm trước của ngày cưới đón dâu. Hai chum rượu to do nhà trai mang sang để cúng tổ tiên, ngay tối hôm đó, lớp trấu bên trên của 2 chum rượu được vớt ra để ở góc bếp ngoài. Bình rượu cần được đong nước từ sừng trâu đổ vào, cần cắm phải quay vào góc bếp dự ý mời tổ tiên. Cạnh bình rượu cần là một mâm cơm cúng tổ tiên: có xôi, muối ớt. Khi khấn mời tổ tiên, người làm lễ thường lấy nắm xôi chấm muối ớt, đây là nghi lễ không thể thiếu trong lễ khấn tổ tiên của người Khơ-mú thể hiện vợ chồng sẽ cùng chung sức và chung chí hướng, vì người khơ mú không có mắm trong mâm cơm, đồ chấm duy nhất là muối ớt. Các lễ vật được bày trên tấm đan vuông, khi làm nghi lễ xong thì tấm đan đó được giữ lại để ở góc bếp, có nghĩa là giữ lại tổ tiên của nhà mình. Từ lúc tối cúng tổ tiên cho đến hết ngày cưới đón

dâu, cô dâu, chú rể và khách kiêng không được bước qua lớp trấu đã vớt từ chum rượu để góc bếp ngoài.

Ngày hôm cưới đón dâu, lễ cưới đón dâu không có đôi phụ. Nhà trai chọn giờ đẹp để đón dâu xuống thang, phải là giờ chẵn. Trong khi đón dâu xuống thang, chú rể xuống thang trước, cô dâu được một bà mối dắt xuống sau, người dắt mối thường chọn người đàn bà hiền, đông con. Khi cô dâu được đón về đến nhà trai, mẹ chồng đứng trên cầu thang, đưa con dâu một giỏ có cơm nắm, thường là cơm nếp và thịt nướng sau đó dắt con dâu vào nhà. Mẹ chồng không xuống bậc thang, dự ý nhà có một chủ nên con dâu phải dưới quyền và sẽ nghe lời mẹ chồng. Khi cô dâu được đón về nhà chồng, bên nhà chú rể cũng tổ chức lễ cúng tổ tiên để báo cáo tổ tiên có con dâu nhập vào dòng họ. Mâm cúng tổ tiên phải có đầy đủ thịt lợn đã chế biến thành thịt nướng, thịt gói nướng, 2 con gà luộc (1 gà trống, 1 gà mái), 5 hào bạc trắng, bát muối ớt. Khi người nhà trai đã làm lễ cúng tổ tiên xong, những người trong nhà trai cùng cô dâu sẽ ăn cùng một mâm cơm trước sự chứng kiến của những người đã đến dự lễ cưới đó dự ý gia đình sẽ quây quần, đoàn kết bên nhau. Khi nhà trai đón dâu, bố mẹ vợ không được đưa con gái mình về nhà chồng thể hiện sự tôn trọng nhà con mình chỉ có 1 chủ. Sau ngày cưới đón dâu, 2 vợ chồng chọn giờ đẹp đến đón bố mẹ vợ lên thăm nhà mình. Và từ đây, đôi vợ chồng mới bắt đầu cuộc sống ổn định, an cư để phát triển kinh tế, nuôi dạy con cái sau khi tổ chức xong tập tục cưới hỏi.

Đây là các nghi lễ và các bước cơ bản trong tập tục cưới hỏi của dân tộc Khơ-mú, cho đến nay vẫn còn nhiều lễ nghi mang theo một tín ngưỡng, một quan niệm có từ lâu đời của họ. Quan niệm người già được coi trọng trong gia đình, vợ chồng sống bên nhau hạnh phúc, có nhiều con cái, ăn nên làm ra nên sự kiện đánh dấu mở đầu cho cuộc sống độc lập của mỗi con người vẫn tuân thủ những nghi lễ có từ lâu đời. Với những quan niệm này mà cho đến nay tập tục cưới hỏi của người Khơ-mú vẫn còn giữ được các lễ nghi riêng, mang tính độc đáo của dân tộc mình.

### 3. Những nhận xét thay kết luận

Hôn nhân của dân tộc Khơ mú luôn tuân theo những nghi lễ truyền thống được đúc kết từ nhiều năm, cho đến nay có những nghi lễ đó vẫn được tuân thủ một cách trình tự mặc dù độ tuổi kết hôn đã tuân theo luật của Nhà nước. Qua nghi lễ hôn nhân của người Khơ mú thể hiện tính nhân văn: tôn trọng hạnh phúc của con người, những nghi lễ thể hiện niềm tin của con người khi tổ chức đầy đủ những nghi lễ đó để bảo đảm cuộc hôn nhân được bền chặt; Hay qua cách đoán tính cách cũng như vận mệnh của đôi trai gái thông qua xem tủy gà, ăn trầu để khuyên nhủ cũng như khích lệ 2 vợ chồng gắn bó với nhau hơn để xây dựng cuộc sống.

Đến nay, hôn nhân của đồng bào dân tộc Khơ mú ở bản Thàn, xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cũng có nhiều biến đổi; Biến đổi về lứa tuổi hôn nhân và thời gian ở rể, trong đó phát triển hơn cả là hôn nhân hỗn hợp giữa các dân

tộc. Hôn nhân hỗn hợp giữa người Khơ mú và người Thái là những nét văn hóa mới thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa các dân tộc đồng thời là chỉ số báo hiệu sự phát triển kinh tế xã hội ngày càng đồng đều giữa các dân tộc ở xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Những nét văn hóa dân tộc độc đáo của người Khơ mú trong hôn nhân vẫn được duy trì cùng với nét mới trong nghi lễ hôn nhân của người Khơ mú làm cho hôn lễ của người Khơ mú ngày thêm đa dạng./.

---

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khổng Diễn (chủ biên), Bùi Minh Đạo, Nguyễn Thê Huệ. *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*. Nhà xuất bản VHDT. H 1999.
2. *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Châu giai đoạn 1945 - 1995*. Tập thể tác giả: Nguyễn Ngọc Luân, Hoàng Yến, Vi Quang Thịnh. Nhà xuất bản CTQG. H 2001.
3. Nhóm tác giả: Đặng Nghiêm Vạn, Nguyễn Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên. *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam - Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản KHXH. H. 1972.
4. *Một số nét về kinh tế, xã hội của dân tộc Khơ-mú ở Việt Nam và các khuyến nghị, giải pháp phát triển*. NXb VHDT. H 2003.
5. Lê Quốc Thanh. *Tác động của các loại hình sử dụng đất đối với sự phát triển nông nghiệp ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La*. Luận án tiến sĩ nông nghiệp. HN 2003.
6. Sổ tổng hợp số hộ gia đình và nhân khẩu ở bản Thàn, xã Chiềng Pằn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Năm 2010.